

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 30/06/2019**

---

*Cần Thơ, tháng 8 năm 2019*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên
Ông Phan Công Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Phương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban
Ông Trịnh Thanh Tùng	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Hiền	Kiểm soát viên

#### **Kế toán trưởng**

Ông Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng
------------------	----------------

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện phát sinh nào khác sau ngày 30/06/2019 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Phương**

**Q. Tổng Giám đốc**

*Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2019*

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 8 năm 2019, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng soát xét mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho kết luận ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/6/2019, Công ty chưa xem xét, đánh giá các khoản công nợ phải thu khó đòi để trích lập dự phòng phải thu khó đòi đầy đủ theo quy định mà chỉ thực hiện việc này tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác có liên quan trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty.

Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương vẫn đang trong quá trình thương thảo việc thanh toán khoản gốc vay và chi phí lãi vay của Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hướng thống nhất điều chỉnh giảm 50% lãi vay phải trả và do đó, Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh của năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 vào Báo cáo tài chính năm trước và kỳ này. Chúng tôi chưa thu thập được văn bản chấp thuận của Ngân hàng liên quan đến nội dung Công ty được giảm lãi vay nêu trên nên không có đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý về việc chưa ghi nhận đầy đủ lãi vay phải trả.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT (TIẾP)

### Kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2018 và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Công ty được kiểm toán và soát xét bởi Công ty kiểm toán khác, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán và kết luận chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Tự Trung**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1226- 2018- 112- 1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>71.091.726.693</b>	<b>65.707.716.029</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.118.000.769	9.130.574.639
Tiền	111		9.118.000.769	9.130.574.639
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	8.787.350.000	8.787.350.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.787.350.000	8.787.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.940.227.635	41.849.209.562
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	28.587.810.883	27.018.906.869
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.985.346.227	5.928.897.176
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	14.713.507.592	9.247.842.584
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(346.437.067)	(346.437.067)
Hàng tồn kho	140	8	612.134.680	720.464.397
Hàng tồn kho	141		612.134.680	720.464.397
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.634.013.609	5.220.117.431
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	3.976.092.108	3.128.043.106
Thuế GTGT được khấu trừ	152		657.921.501	2.092.074.325
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>312.063.687.211</b>	<b>319.950.049.631</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		120.485.000	120.485.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	120.485.000	120.485.000
Tài sản cố định	220		229.845.840.409	237.751.875.312
Tài sản cố định hữu hình	221	9	224.740.466.568	232.545.857.567
- Nguyên giá	222		444.483.069.482	444.235.221.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(219.742.602.914)	(211.689.363.733)
Tài sản cố định vô hình	227	10	5.105.373.841	5.206.017.745
- Nguyên giá	228		8.055.335.602	8.055.335.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.949.961.761)	(2.849.317.857)
Tài sản dở dang dài hạn	240		74.228.993.383	74.585.764.194
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	74.228.993.383	74.585.764.194
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	4.497.251.573	4.497.251.573
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.497.251.573	4.497.251.573
Tài sản dài hạn khác	260		3.371.116.846	2.994.673.552
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	3.371.116.846	2.994.673.552
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>383.155.413.904</b>	<b>385.657.765.660</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>118.625.970.483</b>	<b>121.977.775.915</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>46.491.900.585</b>	<b>49.643.706.017</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.372.492.681	4.390.614.712
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		144.948.940	10.280.800
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	523.682.523	966.974.215
Phải trả người lao động	314		790.602.645	1.708.783.848
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	561.633.807	13.892.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	633.600.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	35.960.319.493	37.048.539.946
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	5.496.136.073	5.496.136.073
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.484.423	8.484.423
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>72.134.069.898</b>	<b>72.334.069.898</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	20.992.392.302	21.192.392.302
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	51.141.677.596	51.141.677.596
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>264.529.443.421</b>	<b>263.679.989.745</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>264.529.443.421</b>	<b>263.679.989.745</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.281.179.597	275.281.179.597
Quỹ đầu tư phát triển	418		646.231.180	646.231.180
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.397.967.356)	(12.247.421.032)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(12.247.421.032)	(12.357.901.053)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		849.453.676	110.480.021
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>383.155.413.904</b>	<b>385.657.765.660</b>

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

  
Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng

  
Lâm Trúc Sơn

Q. Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Văn Phương



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	57.917.987.255	45.154.969.429
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		57.917.987.255	45.154.969.429
Giá vốn hàng bán	11	21	45.833.139.054	34.512.499.926
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		12.084.848.201	10.642.469.503
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	207.433.949	77.753.459
Chi phí tài chính	22	23	-	2.147.071.052
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	2.147.071.052
Chi phí bán hàng	25	24	713.193.838	512.163.253
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	10.692.808.349	9.837.797.402
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		886.279.963	(1.776.808.745)
Thu nhập khác	31	25	7.309	20.442.332
Chi phí khác	32	26	36.833.596	6.294.546
Lợi nhuận khác	40		(36.826.287)	14.147.786
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		849.453.676	(1.762.660.959)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		849.453.676	(1.762.660.959)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	31	(64)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	31	(64)

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng

Lâm Trúc Sơn

Q. Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Phương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019 VND	đến 30/06/2018 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	849.453.676	(1.762.660.959)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.153.883.085	8.027.823.314
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) hoạt động đầu tư	04	-	(5.908.164)
Chi phí lãi vay	06	-	2.147.071.052
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>8.795.902.812</b>	<b>8.334.479.948</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.219.474.832)	76.133.732.485
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	108.329.717	(139.591.256)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.361.671.107)	(75.849.525.410)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.224.492.296)	(3.388.891.373)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.768.287	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.000.000)	(292.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>100.362.581</b>	<b>4.798.004.394</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(247.848.182)	(9.411.655.939)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(8.787.350.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	134.911.731	71.845.295
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(112.936.451)</b>	<b>(18.127.160.644)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(600.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(12.573.870)</b>	<b>(13.929.156.250)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.130.574.639	23.413.204.721
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	5.908.164
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.118.000.769	9.489.956.635

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng



Lâm Trúc Sơn

Q. Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 19 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: số 02, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2019 là 157 người.

**1.2 LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

*Lĩnh vực kinh doanh:*

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

*Hoạt động chính của Công ty bao gồm:*

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuế hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng	Số 272 đường Cao Thẳng, khóm 6, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu	27 đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui	số 02, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi Thông tư 200) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Tuy nhiên, tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xem xét, đánh giá các khoản công nợ phải thu khó đòi để trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định mà chỉ thực hiện việc này tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã tính mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 47
- Máy móc, thiết bị	02 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 18
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
- Tài sản cố định khác	02 - 14

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời kỳ không quá 2 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tài chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

**3.7 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

**3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

**3.9 CHI PHÍ LÃI VAY**

Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.075.388.640	1.568.543.850
Tiền gửi ngân hàng	7.042.612.129	7.562.030.789
	<b>9.118.000.769</b>	<b>9.130.574.639</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.976.092.108</b>	<b>3.128.043.106</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	516.737.528	200.194.665
- Chi phí thuê cảng Sóc Trăng	1.622.592.593	2.400.000.000
- Các chi phí khác chờ phân bổ	1.836.761.987	527.848.441
<b>Dài hạn</b>	<b>3.371.116.846</b>	<b>2.994.673.552</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.096.448.552	1.038.346.168
- Chi phí sửa chữa	1.218.876.633	971.618.643
- Chi phí kiểm định chờ phân bổ	218.191.760	290.922.350
- Các chi phí khác chờ phân bổ	837.599.901	693.786.391
	<b>7.347.208.954</b>	<b>6.122.716.658</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>28.587.810.883</b>	<b>(346.437.067)</b>	<b>27.018.906.869</b>	<b>(346.437.067)</b>
- Công ty TNHH Thạnh Phương	3.232.183.741	-	3.689.691.080	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	2.541.007.738	-	1.511.779.823	-
- Các khách hàng khác	22.814.619.404	(346.437.067)	21.817.435.966	(346.437.067)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>28.587.810.883</b>	<b>(346.437.067)</b>	<b>27.018.906.869</b>	<b>(346.437.067)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.713.507.592</b>	<b>-</b>	<b>9.247.842.584</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	6.596.510.487	-	3.998.039.473	-
- Ký cược, ký quỹ	8.600.000	-	18.700.000	-
- Phải thu lợi nhuận hợp tác kinh doanh Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	3.442.185.443	-	3.369.663.225	-
- Công ty TNHH Thạnh Phương	1.800.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	2.866.211.662	-	1.861.439.886	-
<b>Dài hạn</b>	<b>120.485.000</b>	<b>-</b>	<b>120.485.000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	105.485.000	-	105.485.000	-
	<b>14.833.992.592</b>	<b>-</b>	<b>9.368.327.584</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>3.442.185.443</b>	<b>-</b>	<b>3.369.663.225</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	3.442.185.443	-	3.369.663.225	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.742.859	-	44.128.374	-
Công cụ, dụng cụ	303.701.547	-	308.351.547	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	36.739.339	-
Hàng hóa	257.690.274	-	331.245.137	-
	<b>612.134.680</b>	<b>-</b>	<b>720.464.397</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2019	362.624.788.696	11.127.297.972	69.651.918.014	472.610.000	358.606.618	444.235.221.300
- Mua trong kỳ	103.408.182	-	144.440.000	-	-	247.848.182
30/06/2019	<u>362.728.196.878</u>	<u>11.127.297.972</u>	<u>69.796.358.014</u>	<u>472.610.000</u>	<u>358.606.618</u>	<u>444.483.069.482</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2019	(156.157.697.920)	(6.294.570.872)	(48.471.031.878)	(456.329.051)	(309.734.012)	(211.689.363.733)
- Khấu hao trong kỳ	(5.862.471.594)	(309.341.170)	(1.866.357.355)	(10.047.632)	(5.021.430)	(8.053.239.181)
30/06/2019	<u>(162.020.169.514)</u>	<u>(6.603.912.042)</u>	<u>(50.337.389.233)</u>	<u>(466.376.683)</u>	<u>(314.755.442)</u>	<u>(219.742.602.914)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2019	<u>206.467.090.776</u>	<u>4.832.727.100</u>	<u>21.180.886.136</u>	<u>16.280.949</u>	<u>48.872.606</u>	<u>232.545.857.567</u>
30/06/2019	<u>200.708.027.364</u>	<u>4.523.385.930</u>	<u>19.458.968.781</u>	<u>6.233.317</u>	<u>43.851.176</u>	<u>224.740.466.568</u>

Tại ngày 30/06/2019:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 33.118.986.184 đồng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2019	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
30/06/2019	<u>7.803.335.602</u>	<u>252.000.000</u>	<u>8.055.335.602</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2019	(2.672.917.857)	(176.400.000)	(2.849.317.857)
- Khấu hao trong kỳ	(75.443.904)	(25.200.000)	(100.643.904)
30/06/2019	<u>(2.748.361.761)</u>	<u>(201.600.000)</u>	<u>(2.949.961.761)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2019	<u>5.130.417.745</u>	<u>75.600.000</u>	<u>5.206.017.745</u>
30/06/2019	<u>5.054.973.841</u>	<u>50.400.000</u>	<u>5.105.373.841</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2019 <u>VND</u>	01/01/2019 <u>VND</u>
Công trình cảng Cái Cui	73.804.769.721	73.804.769.721
Công trình khác	424.223.662	780.994.473
	<u>74.228.993.383</u>	<u>74.585.764.194</u>

Toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang của công trình cảng Cái Cui dùng để cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**12.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng (1)	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000
	<b>8.787.350.000</b>	<b>8.787.350.000</b>	<b>8.787.350.000</b>	<b>8.787.350.000</b>

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 7%/năm tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong chi nhánh Hoàn Kiếm.

**12.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.497.251.573	-	-	4.497.251.573	-	-
+ Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn (2)	4.497.251.573	-	-	4.497.251.573	-	-
	<b>4.497.251.573</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.497.251.573</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(2) Khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn với vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 20.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ cam kết góp 10.000.000.000 đồng (chiếm 50% vốn điều lệ), tuy nhiên đến ngày 30/06/2019 Công ty mới thực góp là 4.497.251.573 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.372.492.681</b>	<b>2.372.492.681</b>	<b>4.390.614.712</b>	<b>4.390.614.712</b>
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trí Việt	313.307.650	313.307.650	2.069.689.000	2.069.689.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Hiệp Phong	831.650.000	831.650.000	950.700.000	950.700.000
- Đối tượng khác	1.227.535.031	1.227.535.031	1.370.225.712	1.370.225.712
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>2.372.492.681</b>	<b>2.372.492.681</b>	<b>4.390.614.712</b>	<b>4.390.614.712</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/06/2019
	VND	trong kỳ VND	trong kỳ VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	865.352.480	909.674.059	1.352.965.751	422.060.788
- Thuế thu nhập cá nhân	964.035	-	-	964.035
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	100.657.700	3.198.675.156	3.198.675.156	100.657.700
- Các loại thuế khác	-	97.288.943	97.288.943	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	108.492.414	108.492.414	-
	<b>966.974.215</b>	<b>4.314.130.572</b>	<b>4.757.422.264</b>	<b>523.682.523</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn  
từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>561.633.807</b>	<b>13.892.000</b>
- Trích trước chi phí thuê kho	99.231.000	-
- Trích trước chi phí cước vận chuyển, bốc xếp	457.772.727	13.892.000
- Trích trước chi phí khác	4.630.080	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>561.633.807</b>	<b>13.892.000</b>

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>633.600.000</b>	<b>-</b>
- Doanh thu cho thuê kho, thuê văn phòng	633.600.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>633.600.000</b>	<b>-</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>35.960.319.493</b>	<b>37.048.539.946</b>
- Kinh phí công đoàn	84.648.714	-
- Phải trả về cổ phần hóa	59.550.560	59.550.560
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.340.686.650	1.609.186.650
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.475.433.569	35.379.802.736
+ <i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>	<i>6.189.297.182</i>	<i>7.041.199.909</i>
+ <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>27.725.888.199</i>	<i>27.725.888.199</i>
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>560.248.188</i>	<i>612.714.628</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>20.992.392.302</b>	<b>21.192.392.302</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	968.874.200	1.168.874.200
- Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư	20.023.518.102	20.023.518.102
	<b>56.952.711.795</b>	<b>58.240.932.248</b>
<b>Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan</b>	<b>6.189.297.182</b>	<b>7.041.199.909</b>
- <i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>	<i>6.189.297.182</i>	<i>7.041.199.909</i>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>5.496.136.073</b>	<b>5.496.136.073</b>	-	-	<b>5.496.136.073</b>	<b>5.496.136.073</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>221.136.073</i>	<i>221.136.073</i>	-	-	<i>221.136.073</i>	<i>221.136.073</i>
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	221.136.073	221.136.073	-	-	221.136.073	221.136.073
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>5.275.000.000</i>	<i>5.275.000.000</i>	-	-	<i>5.275.000.000</i>	<i>5.275.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	5.275.000.000	5.275.000.000	-	-	5.275.000.000	5.275.000.000
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>51.141.677.596</b>	<b>51.141.677.596</b>	-	-	<b>51.141.677.596</b>	<b>51.141.677.596</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	51.141.677.596	51.141.677.596	-	-	51.141.677.596	51.141.677.596
	<b>56.637.813.669</b>	<b>56.637.813.669</b>	-	-	<b>56.637.813.669</b>	<b>56.637.813.669</b>
<b>Vay và nợ với bên liên quan</b>						
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	221.136.073	221.136.073	-	-	221.136.073	221.136.073

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2009/HĐTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ký ngày 27/10/2009 với các điều khoản sau:

- Tổng số tiền cho vay: 253.684.000.000 đồng;
- Thời gian cho vay: 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo “Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Cái Cui - giai đoạn 2;
- Lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi;
- Biện pháp đảm bảo: Toàn bộ tài sản theo dự án đầu tư cảng Cái Cui - giai đoạn 1 và các tài sản hình thành trong tương lai theo “Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Cái Cui - giai đoạn 2.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn  
từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2018</b>	<b>275.281.179.597</b>	<b>646.231.180</b>	<b>(12.357.901.053)</b>	<b>263.569.509.724</b>
- Lãi năm trước	-	-	110.480.021	110.480.021
<b>31/12/2018</b>	<b>275.281.179.597</b>	<b>646.231.180</b>	<b>(12.247.421.032)</b>	<b>263.679.989.745</b>
<b>01/01/2019</b>	<b>275.281.179.597</b>	<b>646.231.180</b>	<b>(12.247.421.032)</b>	<b>263.679.989.745</b>
- Lãi kỳ này	-	-	849.453.676	849.453.676
<b>30/06/2019</b>	<b>275.281.179.597</b>	<b>646.231.180</b>	<b>(11.397.967.356)</b>	<b>264.529.443.421</b>

**19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	272.566.179.597	272.566.179.597
Các cổ đông khác	2.715.000.000	2.715.000.000
	<b>275.281.179.597</b>	<b>275.281.179.597</b>

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**19.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn  
từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.5 CÁC QUỸ**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180

**20. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	7.432.781.859	7.343.529.578
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.485.205.396	37.811.439.851
	<b>57.917.987.255</b>	<b>45.154.969.429</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	7.082.183.195	6.863.214.542
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	38.750.955.859	27.649.285.384
	<b>45.833.139.054</b>	<b>34.512.499.926</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	134.911.731	71.845.295
Cổ tức, lợi nhuận được chia	72.522.218	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	5.908.164
	<b>207.433.949</b>	<b>77.753.459</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	2.147.071.052
	<b>-</b>	<b>2.147.071.052</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn  
từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>713.193.838</b>	<b>512.163.253</b>
- Chi phí nhân viên	218.445.170	195.920.016
- Chi phí vật liệu, đồ dùng	40.303.546	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	105.695.814	79.256.042
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.491.926	-
- Chi phí bằng tiền khác	272.257.382	236.987.195
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>10.692.808.349</b>	<b>9.837.797.402</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.291.548.825	4.556.137.828
- Chi phí vật liệu quản lý	391.780.770	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	89.184.446	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	438.818.735	501.567.991
- Thuế, phí và lệ phí	51.926.204	-
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.777.612.348	-
- Chi phí bằng tiền khác	2.651.937.021	4.780.091.583
	<b>11.406.002.187</b>	<b>10.349.960.655</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu nhập khác	7.309	20.442.332
	<b>7.309</b>	<b>20.442.332</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí phạt chậm nộp thuế, Bảo hiểm xã hội	29.831.668	-
Chi phí khác	7.001.928	6.294.546
	<b>36.833.596</b>	<b>6.294.546</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn  
từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	849.453.676	(1.762.660.959)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	36.831.668	-
- Các khoản chi phí phạt	29.831.668	-
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	7.000.000	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	(72.522.218)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(72.522.218)	-
Lỗ kết chuyển	(813.763.126)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	-	(1.762.660.959)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

**28. LÃI/ (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	849.453.676	(1.762.660.959)
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<b>31</b>	<b>(64)</b>

**29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.023.672.853	2.407.171.340
Chi phí nhân công	14.893.958.506	11.827.101.696
Khấu hao tài sản cố định	8.153.883.085	8.027.823.314
Thuế, phí và lệ phí	51.926.204	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.757.642.668	10.897.755.325
Chi phí bằng tiền khác	7.239.135.391	6.557.385.366
	<b>50.120.218.707</b>	<b>39.717.237.041</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty chỉ thực hiện kinh doanh và theo dõi theo một bộ phận duy nhất là: kinh doanh dịch vụ cảng.

**32. THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Ngoại tệ các loại		
USD	1.766,32	773,25

**32.2 BÊN LIÊN QUAN**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	1.017.508.884	1.225.000.000

**32.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu



**Thái Thị Mỹ Linh**

Kế toán trưởng



**Lâm Trúc Sơn**

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2019

**Q. Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Phương**